

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BẾN CÁT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2022/HSST

Ngày: 04-5-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lại Thị Ngọc Bích

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Thanh Nhàn;
2. Ông Ngô Hoàng Sĩ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền— Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa:

1. Ông Lê Huy Nghĩa - Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương.
2. Bà Nguyễn Thị Xuân Hương - Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát.

Ngày 04 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 32/2022/TLST-HS ngày 28 tháng 02 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2022/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2022/HSST-QĐ ngày 05/4/2022 đối với bị cáo:

Đàm Phương N; sinh năm 1982, tại Q; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Q; nơi cư trú: Số 165 N, thị trấn C, huyện C, Thành phố H, quốc tịch: Việt Nam, dân tộc: Kinh, tôn giáo: Không, trình độ học vấn: 12/12, nghề nghiệp: Công tác viên báo chí. Con ông Đàm Hồng T (đã chết) và bà Đào Thị H (đã chết), có 02 em, lớn sinh năm 1988, nhỏ sinh năm 1990, có vợ Trần Thị Kim T, sinh năm 1984, có 01 con, sinh năm 2020. Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Năm 2012, Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên tuyên phạt 07 năm tù về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, theo Bản án số 87/2012/HSPT ngày 24/9/2012. Ngày 27/9/2017, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù. Về án phí đã chấp hành xong ngày 31/8/2015. Bị cáo bị bắt, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/10/2020 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Võ Vương Khánh T1 - Luật sư công tác tại Văn phòng Luật sư K thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt

- Bị hại: Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng và Đầu tư Bất động sản N

Địa chỉ: Thửa số 2630, tờ bản đồ số 11, Đại lộ B, khu phố 4, phường T, thị xã B, tỉnh B.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Văn Đ- Chủ tịch công ty kiêm Giám đốc. Có đơn xin xét xử vắng mặt

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Dương Thị Tuyết M, sinh năm 1976, địa chỉ: khu phố 4, phường T, thị xã B, tỉnh B. Có mặt

2. Ông Mai Văn M1, sinh năm 1986, địa chỉ: 298/22/2, V, phường P, quận T, thành phố Hồ Chí Minh, tạm trú: B4/15B, ấp 2, xã V, huyện B, thành phố H. Vắng mặt

- Người làm chứng:

1. Bà Dương Thị Tuyết M. Có mặt

2. Ông Mai Văn M1. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ông Mai Văn M1, sinh năm 1986, nơi cư trú: Số 298/22/2, V, phường P, quận T, Thành phố H là Phóng viên của Tạp chí điện tử M (gọi tắt là Tạp chí), trụ sở tại số 91 đường N, phường L, quận Đ, Thành phố H, do ông Đồng Xuân T2, sinh năm 1972, là Tổng Ban biên tập.

Ông M1 thuê nhà tại số 281/43/5 L, Phường 1, quận T, Thành phố H làm nơi làm việc và đặt tên là Văn phòng đại diện K tại Thành phố H (gọi tắt là Văn phòng đại diện).

Từ tháng 4/2020, Đàm Phương N xin vào làm việc tại Văn phòng đại diện của ông M1. N không phải là nhà báo, không được Tạp chí ký hợp đồng lao động nhưng ông M1 vẫn cấp giấy giới thiệu của Tạp chí để N đến liên hệ với các cơ quan, tổ chức, cá nhân thu thập thông tin, soạn thảo bài viết cho ông M1 theo sự phân công, chỉ đạo của ông M1.

Khoảng tháng 9/2020, ông M1 nhận được đơn phản ánh của người dân về việc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Xây dựng và Đầu tư Bất động sản N vi phạm hợp đồng với người mua trong việc bán nhà ở tại dự án Khu nhà ở công nhân thu nhập thấp, địa chỉ: Khu phố 3, phường M, thị xã B, tỉnh B. Ông M1 phân công N thực hiện bài viết phản ánh về vi phạm của Công ty N. Ngày

23/9/2020, ông M1 cấp giấy giới thiệu N là Phóng viên của báo Tạp chí đến Công ty N để tìm hiểu, thu thập thông tin, viết bài phản ánh sự việc.

Ngày 02/10/2020, N đến Công ty N gặp bà Dương Thị Tuyết M, sinh năm là Phó Giám đốc của Công ty N để thu thập thông tin liên quan đến dự án Khu nhà ở công nhân thu nhập thấp ở phường M, thị xã B, tỉnh B do Công ty N làm chủ đầu tư.

Khi thu thập được thông tin về sự việc trên, N viết dự thảo bài báo phản ánh về việc Công ty N vi phạm hợp đồng với khách hàng gửi cho ông M1 để chỉnh sửa và gửi về tòa soạn Tạp chí.

Đến khoảng 11 giờ 01 phút ngày 03/10/2020, bài viết của N được đăng trên Tạp chí với tiêu đề: “B: N bị tố vi phạm hợp đồng mua bán nhà”, tên tác giả là P N. Bài báo phản ánh Công ty N chậm trễ trong việc bàn giao nhà ở theo thời hạn cam kết với người mua. Đọc được bài báo này, bà M liền liên lạc với N đề nghị gỡ bài báo thì N trả lời N không có quyền quyết định, phải xin ý kiến cấp trên của N. Bà M đến trụ sở Văn phòng đại diện gặp N để xin gỡ bài báo đã đăng thì N hướng dẫn bà M làm đơn gửi Tạp chí. Đến tối cùng ngày, bà M gọi điện thoại cho N hỏi chi phí để gỡ bài thì N đưa ra giá 200.000.000 đồng để gỡ bài báo. Bà M trình bày hoàn cảnh doanh nghiệp hiện đang gặp khó khăn nên xin giảm số tiền nhưng N nói lãnh đạo không đồng ý.

N báo cho ông M1 biết việc N trao đổi với bà M gỡ bài báo với giá 200.000.000 đồng nhưng ông M1 nói không thể gỡ bài báo đã đăng, chỉ có thể dừng viết tiếp bài thứ hai với số tiền 50.000.000 đồng. N nói lại cho bà M biết ý kiến của ông M1 thì bà M đồng ý và yêu cầu N đến tỉnh B để nhận tiền, N không đồng ý mà yêu cầu bà M đến nơi làm việc của N tại Thành phố H đưa tiền nhưng bà M không đồng ý.

Đến ngày 07/10/2020, không thấy bà M đến đưa tiền nên ông M1 yêu cầu N không nhận tiền của bà M nữa mà tiếp tục viết bài phản ánh vi phạm của Công ty N. N soạn dự thảo bài báo thứ hai và gửi cho ông M1 chỉnh sửa, gửi về Tòa soạn Tạp chí.

Đến ngày 22/10/2020, bài viết của N được đăng trên Tạp chí với tiêu đề “N bán một căn nhà có hai bản hợp đồng”, tác giả là A. Nội dung bài báo phản ánh Công ty N bán một căn nhà nhưng có hai bản hợp đồng với hai giá trị, thời điểm khác nhau, có dấu hiệu nghi vấn trốn thuế. Đọc được bài báo của N, bà M gọi điện thoại liên lạc với N hẹn gặp ở B để thương lượng việc gỡ hai bài báo nêu trên. N hẹn gặp bà M lúc khoảng 14 giờ ngày 24/10/2020 tại quán cà phê H, phường T, thị xã B, tỉnh B. Bà M báo sự việc N hẹn gặp để nhận tiền cho ông Huỳnh Văn Đ, là Giám đốc Công ty N thì ông Đ yêu cầu bà M làm đơn tố cáo hành vi của N gửi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B.

Đến khoảng 16 giờ ngày 24/10/2020, bà M đến quán cà phê H gặp N, bà M đề nghị N gỡ 02 bài báo đã đăng thì N nói chi phí để gỡ 02 bài báo là 200.000.000 đồng. Bà M nói với N hiện chưa đủ số tiền 200.000.000 đồng nên đề nghị N cầm trước số tiền 70.000.000 đồng. N đồng ý và nhận phong bì có 70.000.000 đồng do

bà M đưa bỏ vào balô của N rồi đi ra về. Khi N vừa đi được một đoạn (cách cổng quán cà phê H khoảng 03m) thì bị lực lượng Công an bắt quả tang, thu giữ số tiền 70.000.000 đồng.

Vật chứng thu giữ:

- 01 (một) USB có ghi dòng chữ Color Turn;
- 01 (một) điện thoại di động iPhone 7Plus màu đen, số imei: 35568086066475;
- 01 (một) điện thoại di động SamSung màu đen, số imei: 352808090959933 và 352809090959931;
- 01 (một) điện thoại di động Nokia màu đen;
- 28 (hai mươi tám) Giấy giới thiệu số 306 ngày 23/9/2020 của Tạp chí M;
- 02 (hai) thẻ tín dụng ngân hàng Agribank của Đàm Phương N;
- 01 (một) thẻ tín dụng đa năng ngân hàng Đông Á Bank tên Đàm Phương N;
- 01 (một) thẻ tín dụng Ngân hàng BIDV Bank của Đàm Phương N;
- 01 (một) Giấy phép lái xe hạng C của Đàm Phương N;
- 01 (một) Giấy phép lái xe hạng A1 của Đàm Phương N;
- 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 27B1-038.41 tên Đàm Phương N;
- 01 (một) Danh thiếp tên Đàm Phương N.

Trách nhiệm dân sự: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B đã trả lại số tiền 70.000.000 đồng cho bà Dương Thị Tuyết M là đại diện theo ủy quyền của Công ty N. Bà M không có yêu cầu gì thêm nên không đặt ra.

Tại bản Cáo trạng số 53/CT-VKS-P1 ngày 22/11/2021 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Đàm Phương N về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Đàm Phương N về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 15, Điều 57 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Đàm Phương N mức án tù 05 năm đến 06 năm tù.

Về vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015

1. Tịch thu tiêu hủy 01 (một) Danh thiếp tên Đàm Phương N do không có giá trị sử dụng.

2. Hoàn trả cho bị cáo N các vật chứng không liên quan đến vụ án:

- 01 (một) USB có ghi dòng chữ Color Turn;
- 01 (một) điện thoại di động Nokia màu đen;
- 02 (hai) thẻ tín dụng ngân hàng Agribank của Đàm Phương N;
- 01 (một) thẻ tín dụng đa năng ngân hàng Đông Á Bank tên Đàm Phương N;
- 01 (một) thẻ tín dụng Ngân hàng BIDV Bank của Đàm Phương N;
- 01 (một) Giấy phép lái xe hạng C của Đàm Phương N;
- 01 (một) Giấy phép lái xe hạng A1 của Đàm Phương N;
- 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 27B1-038.41 tên Đàm Phương N;

3. Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước

- 01 (một) điện thoại di động iPhone 7Plus màu đen, số imei: 35568086066475;
- 01 (một) điện thoại di động SamSung màu đen, số imei: 352808090959933 và 352809090959931.

Là công cụ bị cáo N dùng vào việc phạm tội.

4. Đối với 28 (hai mươi tám) Giấy giới thiệu số 306 ngày 23/9/2020 của Tạp chí M là tài liệu chứng cứ thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo được lưu tại hồ sơ.

Đối với ông M1: Quá trình điều tra không có tài liệu chứng M1 ông M1 là đồng phạm và không đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên không có căn cứ khởi tố ông M1.

- Người bào chữa cho bị cáo N là Luật sư T1 trình bày: Thống nhất với nội dung bản cáo trạng, bản luận tội, điều luật truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân đối với bị cáo N về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo N theo quy định tại điểm s, h khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo N mức hình phạt nhẹ nhất để bị cáo có thể sớm trở về hoà nhập cộng đồng và phụ giúp gia đình.

- Bị cáo: Thống nhất với nội dung trình bày của người bào chữa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà M trình bày: Số tiền 70.000.000 đồng là tiền của Công ty N, Công ty đã nhận lại số tiền trên, bà M không có yêu cầu gì đối với số tiền này.

Lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo có thể sớm trở về hoà nhập cộng đồng và phụ giúp gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên Công an tỉnh Bình Phước, Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương, Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản Cáo trạng đã mô tả. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận:

Bị cáo N không phải là phóng viên, không ký hợp đồng lao động với Tạp chí điện tử M nhưng khi đến Công ty N để viết bài, bị cáo tự ghi tên bị cáo vào giấy giới thiệu do ông M1 cung cấp với tư cách là phóng viên. Bị cáo N không có thẩm quyền gỡ các bài báo đã đăng tại Tạp chí điện tử M nhưng khi bà M đề nghị bị cáo gỡ các bài báo đã đăng tại Tạp chí điện tử M thì bị cáo đồng ý và đưa ra giá 200.000.000 đồng để gỡ bài. Ngày 24/10/2020, khi bị cáo nhận 70.000.000 đồng từ bà M thì bị bắt quả tang. Như vậy, hành vi bị cáo đưa ra thông tin gian dối bị cáo là phóng viên và có thể gỡ bài để bị hại tin tưởng và giao tiền cho bị cáo nhằm chiếm đoạt tài sản của bị hại đã đủ yếu tố cấu thành tội “lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Bị cáo đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo nhận từ bà M 70.000.000 đồng nhưng về mặt ý thức, bị cáo đưa ra mức giá 200.000.000 đồng và có sự thỏa thuận mức giá 200.000.000 đồng với bà M như vậy về ý thức chủ quan, bị cáo cố ý chiếm đoạt 200.000.000 đồng của bị hại.

Do đó, bản Cáo trạng số 53/CT-VKS-P1 ngày 22/11/2021 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Bị cáo hoàn toàn có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

Việc bị cáo bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của bị hại là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ.

Về nhận thức, bị cáo hoàn toàn biết hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản là trái pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện. Hành vi của bị cáo thể hiện thái độ thiếu ý thức, liều lĩnh, xem thường pháp luật. Do đó, cần phải có một mức hình phạt nghiêm M1, tương xứng với tính chất và mức độ phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, sống có ích cho gia đình, xã hội và có ý thức tuân theo pháp luật, đồng thời phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

[3] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được cân nhắc, xem xét khi quyết định hình phạt gồm: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn, hối cải; người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, có con nhỏ, tài sản đã trả lại cho người bị hạn nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

[5] Xét thấy, ý chí của bị cáo muốn chiếm đoạt số tiền 200.000.000 đồng nhưng chỉ nhận được số tiền 70.000.000 đồng thì bị bắt quả tang, dẫn đến bị cáo không thể thực hiện hành vi phạm tội đến cùng nên hành vi phạm tội của bị cáo là chưa đạt nên áp dụng Điều 15, Điều 57 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[6] Xét thấy, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và mức hình phạt mà đại diện Viện Kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo là tương xứng với tính chất và mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Xét ý kiến và điều luật mà người bào chữa cho bị cáo trình bày là phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo. Đối với đề nghị áp dụng điểm h khoản 1 Điều 51, điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là chưa phù hợp nên không được chấp nhận.

[8] Về xử lý vật chứng:

1. Tịch thu tiêu hủy 01 (một) Danh thiếp tên Đàm Phương N do không có giá trị sử dụng.

2. Hoàn trả cho bị cáo N các vật chứng không liên quan đến vụ án:

- 01 (một) USB có ghi dòng chữ Color Turn;
- 01 (một) điện thoại di động Nokia màu đen;
- 02 (hai) thẻ tín dụng ngân hàng Agribank của Đàm Phương N;
- 01 (một) thẻ tín dụng đa năng ngân hàng Đông Á Bank tên Đàm Phương N;
- 01 (một) thẻ tín dụng Ngân hàng BIDV Bank của Đàm Phương N;
- 01 (một) Giấy phép lái xe hạng C của Đàm Phương N;

- 01 (một) Giấy phép lái xe hạng A1 của Đàm Phương N;
- 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 27B1-038.41 tên Đàm Phương N;

3. Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước

- 01 (một) điện thoại di động iPhone 7Plus màu đen, số imei: 35568086066475;
- 01 (một) điện thoại di động SamSung màu đen, số imei: 352808090959933 và 352809090959931.

Là phương tiện bị cáo N dùng để liên lạc với bà M để thực hiện hành vi phạm tội.

4. Đối với 28 (hai mươi tám) Giấy giới thiệu số 306 ngày 23/9/2020 của Tạp chí Môi trường và Đô thị Việt N là tài liệu chứng cứ thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo được lưu tại hồ sơ.

5. Đối với 01 xe mô tô hiệu Suzuki biển số 59T1-504.19, số máy G422B2Z05082, số khung 48B0D0103289 và Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 044855 do Công an quận T, Thành phố H cấp ngày 06/9/2016 là do N mượn của ông M1, ông M1 không biết N dùng xe mô tô của ông M1 để thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Bình Dương đã ra Quyết định xử lý đồ vật, tài liệu số 36/CSHT(Đ4) ngày 07/11/2021 trả lại ông M1 là phù hợp.

6. Đối với 01 máy tính xách tay hiệu Asus màu đen, model X5074, mã J8NOCVO3352832D của Đàm Phương N do bà Trần Thị Kim T giao nộp không liên quan đến hành vi phạm tội của N nên Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Bình Dương đã ra Quyết định xử lý đồ vật, tài liệu số 36/CSHT(Đ4) ngày 07/11/2021 trả lại cho bà Trần Thị Kim T là phù hợp.

[9] Đối với ông Mai Văn M1:

Ngày 21/02/2022, Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát ban hành Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung số 05/2022/HSST-QĐ trong đó có yêu cầu Viện kiểm sát làm rõ vai trò đồng phạm của ông M1. Ngày 28/02/2022, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát có Công văn số 47/CV-VKSBC giữ nguyên quyết định truy tố.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt Giấy triệu tập, Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho ông M1 theo quy định để ông M1 tham gia với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng nhưng ông M1 vắng mặt không có lý do. Tòa án đã ra quyết định dẫn giải ông M1 với tư cách là người làm chứng đến Tòa án tham gia phiên tòa để làm rõ vai trò của ông M1 trong việc N thực hiện hành vi phạm tội nhưng việc dẫn giải không thực hiện được.

Theo hồ sơ thể hiện, quá trình điều tra không có căn cứ chứng M1 vai trò đồng phạm cũng như hành vi của ông M1 đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên Viện kiểm sát không khởi tố là phù hợp quy định. Tạp chí điện tử M đã ra quyết định

xử lý hành vi của ông M1 với hình thức cảnh cáo. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 15, Điều 57, Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố bị cáo Đàm Phương N phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Đàm Phương N 05 (năm) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 25/10/2020.

2. Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra xem xét.

3. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ vào Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

3.1. Tịch thu tiêu hủy 01 (một) Danh thiếp tên Đàm Phương N.

3.2. Hoàn trả cho bị cáo Đàm Phương N:

- 01 (một) USB có ghi dòng chữ Color Turn;
- 01 (một) điện thoại di động Nokia màu đen;
- 02 (hai) thẻ tín dụng ngân hàng Agribank của Đàm Phương N;
- 01 (một) thẻ tín dụng đa năng ngân hàng Đông Á Bank tên Đàm Phương N;
- 01 (một) thẻ tín dụng Ngân hàng BIDV Bank của Đàm Phương N;
- 01 (một) Giấy phép lái xe hạng C của Đàm Phương N;
- 01 (một) Giấy phép lái xe hạng A1 của Đàm Phương N;
- 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 27B1-038.41 tên Đàm Phương N;

3.3. Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước:

- 01 (một) điện thoại di động iPhone 7Plus màu đen, số imei: 35568086066475;
- 01 (một) điện thoại di động SamSung màu đen, số imei: 352808090959933 và 352809090959931.

Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 23/11/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm:

Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Đàm Phương N phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo:

- Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- CA thị xã Bến Cát;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lại Thị Ngọc Bích

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

